

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS-PT
Ngày 26 - 3 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến
Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Bích Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Thành Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2024/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2024/QĐPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Út M, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2024 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Văn M, sinh năm 1966 (có đề nghị giải quyết vắng mặt);

2. Ông Dương Văn N, sinh năm 1972 (có đề nghị giải quyết vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Dương Thị Thu B, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

4. Bà Dương Thị Thu T, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp Vang Nhất, xã Phước Hảo, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

5. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 (chồng bà T, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

6. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1984 (đã chết năm 2021);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Văn B:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1965 (mẹ ruột anh B, có đề nghị giải quyết vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 (cha ruột anh B, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có đề nghị giải quyết vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1980 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

5. Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2001 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

6. Ông Dương Văn C, sinh năm 1955; địa chỉ: Ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (có đề nghị giải quyết vắng mặt).

7. Bà Trương Thị D, sinh năm 1960 (có đề nghị giải quyết vắng mặt);

8. Chị Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1983 (vắng mặt);

9. Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm T, phường N, thị xã T, tỉnh A;

10. Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đề nghị giải quyết vắng mặt);

11. Bà Dương Thị Yên N, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp X xã V, huyện H, tỉnh C (có đề nghị giải quyết vắng mặt);

12. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Dương Thị Út M là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà Dương Thị Út M và người đại diện là ông Trương Văn C trình bày như sau: Thửa 503 diện tích 5.660m², tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh có nguồn gốc là do bà M nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn G (cha ruột bà M) năm 2001, ngày 12/01/2002 bà M được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đại diện hộ đứng tên. Năm 2009 bà Lê Thị T có hỏi gia đình bà M cất nhà nấu ăn trên diện tích 16m² thuộc một phần thửa 503, năm 2013 bà T tự ý sử dụng đất lấn chiếm thêm 12,8m², tổng diện tích bà T lấn chiếm là 28,8m², khi phát sinh tranh chấp thì bà mới biết có

“Giấy sang nhượng nửa nương” ngày 04/02/2009, diện tích thực đo là 16m², từ cha bà M là ông G sang bà T, với giá là 3.000.000 đồng, việc chuyển nhượng này bà hoàn toàn không biết nên nhiều lần yêu cầu bà T trả lại đất nhưng bà T không đồng ý nên bà M khởi kiện tranh chấp. Nay bà M yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/02/2009 giữa ông Dương Văn G với bà Lê Thị T diện tích 16m² thuộc thửa 503, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Yêu cầu bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị H tháo dỡ di dời nhà nầu ăn trả lại cho bà M diện tích thực đo là 28m² trong tổng diện tích chung 5.660m² thuộc thửa 503, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (trong đó có 16m² do ông G chuyển nhượng cho bà T và 12m² do bà T sử dụng lấn chiếm).

Bị đơn bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu phản tố trình bày: Vào năm 2009 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn G là cha của bà M nửa cái nương nhỏ, không nói diện tích cụ thể bao nhiêu mét vuông, giá là 3.000.000 đồng, có viết giấy tay, thời điểm đó có ông Lâm Hồng Vinh và bà Trương Thị Ngọc Vui (đã chết) ký tên làm chứng, bà đã giao tiền đủ cho ông G, bà đã nhận đất và sử dụng ổn định cho đến khi bà M tranh chấp. Nay ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M, ông bà yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/02/2009 giữa ông Dương Văn G với vợ chồng ông bà với diện tích thực đo 28m² thuộc thửa 503, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Yêu cầu Tòa án công nhận cho vợ chồng ông bà được quyền quản lý, sử dụng diện tích 28m² thuộc thửa 503, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Văn M, ông Dương Văn N, bà Huỳnh Thị R trình bày: Các ông bà là anh chị ruột của bà M, biết rõ việc cha mẹ các ông bà là ông Dương Văn G chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị T, phần đất mà cha ông chuyển nhượng là cái nương nhỏ và phân nửa cái bờ, giá chuyển nhượng là 3.000.000 đồng cha các ông bà đã nhận tiền xong, bà T cũng đã nhận đất, cụ thể năm nào thì các ông bà không nhớ, nhưng cách nay cũng hơn mười năm. Sau khi bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà T đã san lấp mặt bằng và cất căn nhà sau. Việc cha các ông bà chuyển nhượng phần đất này thì bà M biết việc này vì bà M sống chung với cha các ông bà từ nhỏ đến lớn, chứng kiến bà T sang lấp mặt bằng và cất nhà sau ở cho đến nay. Khi cha các ông bà bán phần đất này cho bà T thì bà M không có tranh chấp gì với bà T, khi bà T cất nhà thì bà M cũng không có tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, các ông bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Bà Dương Thị Thu B, bà Dương Thị Thu T trình bày: Các bà là chị của bà M, trước đây các bà có nghe bà M nói lại diện tích đất bà T đang sử dụng thì có một phần đất do cha các bà là ông Dương Văn G bán cho bà T, cha các bà đã nhận tiền và giao đất cho bà T sử dụng cho đến nay, còn một phần thì bà T sử dụng lấn đất, ngoài ra các bà không có ý kiến gì thêm, các bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Ông Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị Thùy D cùng có ý kiến: Phần đất tranh

chấp là của cá nhân bà M, không có liên quan gì nên xin từ chối tham gia tố tụng và vắng mặt tại tòa.

Ông Dương Văn C trình bày: Ông là anh của bà M, ông có biết việc bà T ở trên phần đất này đã hơn mười năm, nhưng việc cha ông có bán đất cho bà T hay không thì ông không biết, khi cha ông còn sống thì không có ai tranh chấp phần đất này với bà T. Việc tranh chấp đất này ông không có ý kiến gì, ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Bà Trương Thị D trình bày: Bà M là em của chồng bà (Huỳnh Văn V đã chết), hai người con của bà đi làm ăn xa không có ở địa phương. Việc cha chồng bà có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T không thì bà không được biết, bà không có ý kiến, không yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Bà Dương Thị Yến N trình bày: Bà là con riêng của bà Huỳnh Thị K, còn ông Dương Văn G là chồng sau của bà K. Bà có biết vào năm 2009 ông G và bà K có chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T, còn việc chuyển nhượng cụ thể bao nhiêu thì bà không được biết, việc bà T sử dụng có lấn chiếm đất hay không bà cũng không được biết. Bà thống nhất theo ý kiến của bà T được tiếp tục sử dụng diện tích đất tranh chấp 28m², bà M kiện đòi bà T trả đất là không đúng vì đất này bà T nhận chuyển nhượng đất này từ năm 2009 và sử dụng lâu dài cho đến nay bà M không có ý kiến, bà không có yêu cầu độc lập.

Ông Huỳnh Văn N trình bày: Ông là anh cùng mẹ khác cha với bà M, ông có biết phần đất tranh chấp là cái mương câu cá, ông G đã bán cho bà T. Còn việc thỏa thuận như thế nào thì ông không được biết. Nay ông không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

Chị Nguyễn Thị H, bà Huỳnh Thị Thu H, ông Huỳnh Văn C không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Út M về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 04/02/2009 giữa ông Dương Văn G với bà Lê Thị T diện tích 16m² thuộc thửa 503, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Yêu cầu bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị H tháo dỡ di dời nhà nấu ăn trả lại cho bà M diện tích 28m² trong tổng diện tích chung 5.660m² thuộc thửa 503, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (trong đó có 16m² do ông G chuyển nhượng cho bà T và 12m² do bà T sử dụng lấn chiếm).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L.

Công nhận cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L diện tích 28m² thuộc một phần thửa đất số 503, tờ bản đồ số 3, loại đất quả, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án đối với thửa đất số 503, tờ bản đồ số 3, loại đất quả, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên vị trí tứ cận các thửa đất tranh chấp, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 04/10/2023, nguyên đơn bà Dương Thị Út M cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa Bản án dân sự số 118/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa người nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Sau khi nghe phân tích giải thích pháp luật và động viên của Hội đồng xét xử bà Dương Thị Út M thỏa thuận với Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L là bà M chấp nhận để cho bà T, ông L tiếp tục quản lý sử dụng phần đất 16m²; bà T, ông L giao trả lại cho bà M diện tích 12m² thuộc một phần thửa 503, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C bà T, ông L tự di dời nhà cất trên diện tích đất 12m² trả lại mặt bằng cho bà M, bà M không phải hỗ trợ chi phí di dời. Ngoài ra, bà M tự nguyện chặt bỏ hai cây dừa nằm kế bên căn nhà tôn của bà T, ông L đang ở để đảm bảo an toàn cho gia đình bà T.

Quan điểm đề nghị xét xử của Kiểm sát Viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về các vấn đề tranh chấp, việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 294 và khoản 2 Điều 295 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên. Xét đơn kháng cáo của bị đơn, còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về các vấn đề tranh chấp, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[4] Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng: Bà Dương Thị Út M tự nguyện chịu toàn bộ theo án sơ thẩm đã tuyên

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Dương Thị Út M phải chịu nộp án phí phúc thẩm
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Dương Thị Út M với bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L cụ thể như sau:

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L được quyền quản lý, sử dụng diện tích 16m² (phần B) thuộc một phần thửa đất số 503, tờ bản đồ số 3, loại đất quả, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 503, kích thước 6,40m; hướng Tây giáp phần A của thửa 503, kích thước 6,40m; hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 503, kích thước 2,50m; hướng Bắc giáp phần A của thửa 503, kích thước 2,50m.

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn L tự nguyện giao trả cho hộ bà Dương Thị Út M diện tích 12m² (phần A) thuộc một phần thửa đất số 503, tờ bản đồ số 3, loại đất quả, tọa lạc tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau: Hướng Đông, Tây, Nam và Bắc đều giáp phần còn lại của thửa 503. Trong đó, hướng Đông kích thước 2,80m; hướng Tây, kích thước 9,05m; hướng Nam, kích thước 0,50m; hướng Bắc, kích thước 3,20m.

Bà M không phải hỗ trợ chi phí di dời, công sức tôn tạo, bảo quản gìn giữ đất cho bà Tiên và ông L, bà M tự nguyện chặt bỏ hai cây dừa nằm kế bên căn nhà tôn của bà T, ông L đang ở để đảm bảo an toàn cho gia đình bà T.

(Sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 350/CNHCT ngày 17/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C)

Để đảm bảo cho việc thi hành án, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, cấm thay đổi hiện trạng đất dưới bất cứ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên liên quan có

trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý, thay đổi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng sơ thẩm: Bà Dương Thị Út M tự nguyện chịu toàn bộ theo án sơ thẩm đã tuyên.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị Út M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018593 ngày 04/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh, bà M đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hữu Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ái Loan Ngô Thị Kim Châu

Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa